

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đề và bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/1961; địa chỉ: ấp M, xã V, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091061004983.

2- Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh ngày 07/4/1963; địa chỉ: ấp M, xã V, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091163006899

Ông H có mặt, bà V vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ông H và bà V sống chung với nhau từ năm 1983, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hòa thuận, hạnh phúc, nhưng thời gian về sau có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không

có tiếng nói chung nên năm 2019 sống ly thân cho đến nay. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà V.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1984 và Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1989, hiện các con đều trưởng thành, có gia đình riêng, sống tự lập được nên ông không yêu cầu gì về con. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H trình bày không có nợ chung.

[2]- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà V vắng mặt nên không có lời trình bày tại Tòa án. Nhưng tại biên bản lấy lời khai bà V có trình bày: Bà V và ông H cưới nhau khoảng năm 1984, không có đăng ký kết hôn, ông bà có 02 người con Nguyễn Quốc H1 và Nguyễn Hoàng Â đều đã trưởng thành. Ông H có vợ bé nên không sống chung khoảng 05 năm. Tài sản vợ chồng tự phân chia. Bà không thống nhất ly hôn.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông H yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H yêu cầu được ly hôn, không yêu cầu giải quyết vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”.

Bị đơn là bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng bà V vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà V không đăng ký kết hôn, nhưng ông H trình bày sống chung như vợ chồng khoảng năm 1983, bà V trình bày sống chung từ khoảng năm 1984. Do đó, xác định hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân thực tế, pháp

luật công nhận ông bà là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Ông H yêu cầu được ly hôn với bà V, nhưng bà V không đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông bà mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay không sống chung với nhau nữa. Ông bà là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng bà V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà V không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, cố tình vắng mặt. Việc bà V cố tình vắng mặt không thể hiện ý kiến nguyện vọng tại phiên tòa là tự đánh mất quyền lợi của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho ông H được ly hôn với bà V.

[3] Về con chung: Ông bà trình bày có 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, sống tự lập, không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Ông bà không ai yêu cầu cấp dưỡng, không tranh chấp tài sản và trình bày không nợ chung, không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn lẽ ra chịu án phí, nhưng ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cho ông H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Lê Thị V. Cho ông H được ly hôn với bà V.

2- Về án phí sơ thẩm: Ông H được miễn nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015305 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang).

4- Nguyên đơn là ông H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà V vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Vân Khánh, An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận